

LUẬN CỨU CẢNH NHẤT THỪA BẢO TÁNH

QUYỂN 2

Phẩm thứ 2: **PHẬT BẢO**

*Thế Phật không mé trước,
 Và không mé trung gian,
 Cũng lại không mé sau,
 Vắng lặng tự giác biết.
 Đã tự chứng biết rồi,
 Vì muốn người khác biết,
 Nên vì chúng sanh nói,
 Đạo vô úy thường hằng.
 Phật nắm giữ Đạo ấy,
 Đạo Trí tuệ, Từ bi,
 Và chày Kim cương diệu,
 Chặt đứt các mầm khổ.
 Phá các núi kiến chấp
 Che lấp ý điên đảo,
 Và tất cả rừng rậm
 Nên nay con kính lễ.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Thế vô vi tự nhiên,
 Không Y tha mà biết,
 Trí Bi và năng lực,
 Lợi tự tha đầy đủ.*

Kệ này nói lược sự thâm nhiếp tám thứ công đức của Phật Bảo. Tám thứ là: 1. Thế vô vi. 2. Tự nhiên. 3. Không y tha biết. 4. trí. 5. Bi.

6. Lực. 7. Tự lợi ích. 8. Tha lợi ích, nên Kệ nói rằng:

*Không đầu, không giữa, sau,
 Tự Tánh Thế vô vi,*

*Và Thể pháp vắng lặng,
 Phải biết là tự nhiên.
 Chỉ nội thân tự chứng,
 Không Y tha mà biết,
 Như vậy ba giác biết,
 Tâm Từ vì nói đạo.
 Trí, Bi và lực thấy,
 Nhỏ gai khổ phiền não,
 Ba câu đầu tự lợi,
 Ba câu sau lợi tha.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Phải biết xa lìa Hữu vi, gọi là Vô vi. Lại nữa, Hữu vi là pháp Sinh trụ diệt. Vì không có Hữu vi kia, do đó Thể Phật không phải đời trước trung gian và đời sau, do đó được gọi là Pháp thân Vô vi, nên biết kệ rằng: “Thể Phật không mé trước, và không có đời Trung Gian. Cũng lại không mé sau”.

Lại nữa, xa lìa tất cả hý luận, phân biệt lưỡng đối, Thể Vắng lặng, nên gọi là tự nhiên, phải biết kệ rằng: “Vắng lặng”, tức không nương vào pháp khác mà biết, không nương vào nhân duyên khác mà chứng biết.

“Không nương vào Nhân duyên khác mà chứng biết”: Là không nương vào Nhân duyên khác mà sinh. “Không nương vào Nhân duyên khác sinh”, là Tự giác, không phải nương vào tha giác, như vậy nương vào thân tướng pháp Vô vi của Như lai, thì tất cả Phật sự từ vô thủy đến nay tự nhiên thực hành, thường không ngơi nghỉ. Như vậy cảnh giới không thể nghĩ bàn của Chư Phật, không từ người khác mà nghe.

“Không từ người mà nghe”, là không từ Sư mà nghe, từ Thể của trí tự tại vô ngôn mà tự nhận biết, nên kệ nói: “Tự chứng biết”, nên đã tự chứng biết rồi. Sau đó vì những chúng sinh tăm tối mê muội giúp cho họ chứng biết. Vì chúng sinh đó mà chứng đắc pháp thân Vô vi, giảng nói đạo Vô thượng, nên gọi là trí Bi Vô thượng, phải biết Kệ rằng: “Đã tự chứng biết rồi. Vì muốn người khác biết”, tức vì những người đó giảng nói đạo Vô úy thường hằng, nói về đạo Vô úy là thường là hằng, vì là pháp bất thoái chuyển xuất thế gian. Thứ lớp như vậy cũng là dứt trừ khổ phiền não căn bản của người khác. Trí tuệ Từ bi và thần lực của Như lai, ba câu như vậy thí dụ về “đạo, chày Kim cương” là để chỉ rõ ra.

Hỏi: Cái gì được coi là khổ căn bản?

Đáp: Nói lược chính là sinh Danh sắc trong ba cõi.

Hỏi: Lại cái gì là phiền não căn bản ?

Đáp: thân kiến... Luống dối, tà kiến, Nghi, Giới thủ, Kiến thủ. Lại nữa, “Danh sắc” là sự thâm nhiếp của phiền não căn bản sinh các mầm khổ, phải biết tâm trí tuệ Từ bi của Như lai, có thể cắt đứt mầm khổ đó. Vì nghĩa đó nên nói “Dao” để thí dụ, vì vậy Kệ rằng: “Phật nắm giữ đạo kia, con dao trí tuệ Từ bi, cắt đứt các mầm khổ”.

Lại nữa, sự thâm nhiếp phiền não của Tà kiến và Nghi, do Kiến đạo xa lìa, điều mà trí thế gian không thể biết, rừng rậm phiền não không thể phá trừ, như rừng cây hoặc tường thành... trong thế gian, các pháp tương tự đó nhờ năng lực của Như lai có thể phá trừ được. Vì nghĩa ấy nên nêu “chày Kim cương” để thí dụ, do đó kệ nói: “Và chày Kim cương diệu, phá các núi Kiến chấp, che lấp ý điên đảo và tất cả phiền não”. Phải biết sáu câu này (Phật nắm giữ đạo kia, Dao trí tuệ Từ bi, và chày Kim cương diệu, cắt đứt các mầm khổ, phá các núi Kiến chấp, che lấp ý điên đảo), trong Kinh Như lai Trang Nghiêm Trí Tuệ Quang Minh Nhập Nhất Thiết Phật Cảnh Giới lần lượt hiển bày.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Trong Kinh đó nói: “Này Bồ tát Văn-thù-sư-lợi! Như lai là bậc Ứng chánh biến Tri bất sinh bất diệt”. Đây là nói về tướng vô vi của Như lai. Lại nữa, kệ là nói trong Địa Vô cấu thanh tịnh Lưu Ly, gương và bóng của vua Đế thích hiển hiện, như vậy cho đến chín loại thí dụ, đều nói về Như lai Bất Sinh Bất Diệt. Lại nữa, Kinh đó nói rằng: “Này Văn-thù-sư-lợi! Như lai Ứng chánh biến Tri. Pháp thân thanh tịnh cũng giống như vậy. Bất Động, Bất Sinh, tâm không hý luận, vô phân biệt vô phân biệt, Bất tư, Vô tư, Bất tư nghi, Vô niệm vắng lặng, Vắng lặng, Bất sinh, Bất diệt, Bất khả kiến, Bất khả văn, Bất khả khứu (ngửi), Bất khả thường (nếm), Bất khả xúc không có các tướng, Bất khả giác, Bất khả tri”, những câu như vậy đều nói về tướng vắng lặng sai khác.

Hỏi: Tướng này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói trong tất cả hành nghiệp của Phật, đều xa lìa tất cả hý luận phân biệt, đều vắng lặng tự nhiên. Kệ đó nói các Tu-đa-la còn lại. Trong ấy nói: “Như thật chứng biết tất cả pháp môn”, là nói Như lai không nương vào tha pháp mà chứng đại Bồ-đề.

Lại nữa, kệ là nói Bồ-đề của Như lai có mười sáu loại, nên Kinh nói: “Này Văn-thù-sư-lợi! Như lai như thật chứng biết tất cả các pháp như vậy, quán sát pháp tánh của tất cả chúng sinh là bất tịnh, hữu cấu, có chút hăng hái. Đối với các chúng sinh tâm đại bi thường hiện tiền”.

Đây là nói trí Bi Vô thượng của Như lai. “Này Văn-thù-sư-lợi! Như lai như thật Giác biết tất cả các pháp như vậy”, là như trước đã nói, lấy vô thể làm thể. “Như thật giác biết”, là Trí Phật biết như thật vô phân biệt. “Quán sát pháp tánh của tất cả chúng sinh”, cho đến chúng sinh nhóm tà, như pháp tánh, pháp Thể, pháp giới, Như lai tạng... trong thân ta. Các chúng sinh kia cũng giống như vậy, không có khác nhau. Mắt trí của Như lai hiểu biết rất rõ. “Bất tịnh” là do các phiền não chướng của phàm phu. “Hữu cấu” là vì Thanh Văn, Bích Chi Phật đều có trí chướng. “Hữu điểm” là vì các Đại Bồ-tát đều nương vào hai thứ chướng của tập khí. “Hăng hái” là có thể như thật biết các thứ phương tiện để hóa độ chúng sinh, nhập vô số môn phương tiện nhằm hóa độ chúng sinh. “Đại Bi” là thành Đại Bồ-đề, đặc tâm đại từ bi đối với tất cả chúng sinh bình đẳng, vì muốn cho tất cả chúng sinh kia chứng trí như Phật, và giác biết chúng Đại Bồ-đề như vậy, kế đó đối với tất cả chúng sinh bình đẳng xoay bánh xe đại pháp thường không ngơi nghỉ, do đó phải biết ba câu có thể làm lợi ích cho người khác, nên gọi là lực.

Lại nữa, thứ lớp của sáu câu này, ba câu trước, là công đức Vô vi, Pháp thân Như lai tương ưng nói về tự lợi ích. Ba câu còn lại, gọi là trí... nói về tha lợi ích.

Lại nữa, cũng có nghĩa là vì có trí tuệ nên đặc pháp thân vắng lặng bậc nhất, nên gọi là tự lợi ích. Lại nữa, nương vào hai câu lực Từ bi ... là chuyển đại Pháp luân, nói về tha lợi ích. Đã nói về Phật bảo rồi, kế là nói về Pháp bảo.

Phẩm thứ 3: PHÁP BẢO

Luận nói: Nương vào Phật bảo mà có Pháp bảo chân thật. Vì nghĩa đó nên kế là sau Phật Bảo là nói về Pháp bảo. Dựa vào Pháp bảo đó mà nói bốn kệ:

*Chẳng có cũng chẳng không,
Cũng lại chẳng có không,
Cũng không phải tức pháp,
Cũng lại không lìa pháp.
Lường xét không thật có,
Chẳng phải cảnh Văn tuệ,
Xa lìa đường ngôn ngữ,*

*Nội tâm biết, mát mẻ,
Mặt trời Pháp chân diệu,
Thanh tịnh không bụi bấn,
Ánh sáng Đại trí tuệ lớn,
Chiếu khắp các thế gian.
Phá được các chướng tối,
Giác quán tham sân si,
Tất cả phiền não thấy.
Nên nay Ta kính lễ.*

Hỏi: Kệ này nói lên nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

Bất tư nghi, không hai,

*Vô phần tịnh hiện đối,
Nương đâu? Đắc pháp gì?
Lìa tướng pháp hai đế.*

Kệ này nói lược sự thâm nhiếp tám thứ công đức của Pháp bảo. Tám thứ công đức là: 1. không thể nghĩ bàn. 2. Không hai. 3. Vô phân biệt. 4. tịnh. 5. Hiện hiện. 6. Đối trị. 7. Lìa quả. 8. Lìa nhân. Nghĩa chữ lìa, Kệ nói rằng:

*Diệt đế đạo đế thấy,
Hai đế nhiếp giữ lìa,
Đều có ba công đức,
Thứ lớp nói nên biết.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Ba công đức đầu trong sáu công đức trước: Bất khả tư nghi, không hai, và vô phân biệt, chỉ rõ Diệt Đế thâm nhiếp lìa phiền não, phải biết ba câu còn lại, là tịnh, hiện hiện và đối trị, là chỉ rõ đạo Đế nhiếp lấy, dứt trừ nhân phiền não.

Lại nữa, tất cả lìa của chứng pháp gọi là Diệt Đế, dùng những pháp gì tu hành dứt trừ phiền não thì gọi là đạo đế, hợp hai đế này hợp lại làm pháp tịnh, phải biết là lấy tướng của hai đế gọi là pháp lìa. Kệ rằng:

*Bất tư lường, Vô ngôn,
Trong trí người trí biết,
Vì là nghĩa như vậy,
Không thể được nghĩ bàn.
Pháp Không hai mát mẻ,
Và pháp vô phân biệt,*

*Tịnh, hiển hiện, đối trị,
Ba câu như mặt trời.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược Diệt Đế có ba pháp, vì nghĩa đó nên không thể nghĩ bàn, phải biết vì sao không thể nghĩ bàn. Có bốn nghĩa: 1. Là không. 2. Là có. 3. Là không có. 4. Là hai, nên kệ nói: “Chẳng có cũng chẳng không. Cũng lại chẳng có không, cũng chẳng phải pháp kia, cũng không lìa pháp kia”.

Hỏi: Diệt đế có ba pháp nên biết, đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Diệt Đế không thể biết, có ba pháp. Ba pháp là: 1. Phi tư lương cảnh giới (cảnh giới không thể suy xét), nên kệ nói: “không thể nào Suy xét, không phải cảnh giới Văn tuệ”. 2. Xa lìa tất cả thanh hưởng (tiếng vang), danh tự, chương cú, ngôn ngữ và tướng mạo, nên kệ nói: “Xa lìa đường ngôn ngữ”. 3. Pháp nội chứng của bậc Thánh, nên kệ nói: “Nội tâm biết”.

Hỏi: Lại nữa, thế nào Diệt Đế là pháp Không hai? Thế nào là vô phân biệt?

Đáp: Như trong Kinh Bất Tăng Bất Giảm, Như lai nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Pháp thân Như lai là mát mẻ, vì là pháp Không hai, vì pháp vô phân biệt”, nên kệ nói: “Mát mẻ”.

Hỏi: Cái gì là nhị mà nói Không hai?

Đáp: Điều nói “nhị” là nghiệp và phiền não. Nói “phân biệt”, là nhân tập khởi nghiệp phiền não và tà niệm... vì biết nghiệp phiền não kia, tự tánh xưa nay vắng lặng không hai, không có hai hành, biết khổ xưa nay bất sinh, gọi đó là khổ Diệt Đế, chẳng phải pháp Diệt nên gọi là khổ Diệt Đế. Vì thế trong Kinh nói: “Này Văn-thù-sư-lợi! Những pháp gì là hành của vô tâm, ý, ý thức? Là vô phân biệt trong pháp kia. Vì vô phân biệt nên không khởi tà niệm. Vì có chánh niệm nên không khởi Vô minh. Vì không khởi Vô minh, tức là không khởi mười hai Hữu chi, tức gọi là Vô sinh, do đó trong Kinh Thánh Giả Thắng man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Không phải pháp Diệt nên gọi là Khổ Diệt Đế. Bạch Đức Thế Tôn! Điều nói khổ diệt, gọi là vô tử vô tác, vô khởi, vô tận, ly tận, thường hằng. Mát mẻ, Bất biến, tự tánh thanh tịnh, lìa tất cả sự trói buộc của phiền não tạng. Bạch Đức Thế Tôn! Nhiều hơn số cát sông Hằng, bất ly, bất thoát, không hai, không thể nghĩ bàn pháp Phật thành tựu cứu cánh mà nói Pháp thân Như lai. Bạch Đức Thế Tôn! Như vậy Pháp thân Như lai không lìa sự trói buộc của phiền não tạng, gọi là Như lai tạng”. Những pháp như vậy phải biết trong Kinh Thắng-man

rộng nói là Diệt đế.

Hỏi: Lại nữa, làm sao đắc Diệt Đế Pháp thân Như lai?

Đáp: Là ba thứ thí dụ mặt trời của trí Vô phân biệt trong Kiến đạo và Tu đạo, phải biết là pháp tương tự tương đối, nên kệ nói: “mặt trời Pháp chân diệu”. Ba thí dụ là: 1. Vàng mặt trời thanh tịnh là pháp tương tự, tương đối, vì xa lìa tất cả phiền não cấu nhiễm nên kệ nói: “Thanh tịnh không bụi bẩn”. 2. Hiện hiện tất cả sắc là pháp tượng tương tự tương đối, vì Nhất thiết chủng Nhất thiết trí có thể soi biết, nên kệ nói: “ánh sáng trí tuệ lớn”. 3. Đối trị ám chướng là pháp tương tự tương đối, vì khởi Nhất Thiết chủng trí làm pháp đối trị, nên kệ nói: “Chiếu khắp các thế gian”.

Hỏi: Lại nữa, cái gì là pháp đối trị?

Đáp: Là nương lấy sự tướng không thật, niệm phân biệt luống dối, sinh tham sân si và phiền não kiết sử.

Hỏi: Đây là nói nghĩa gì?

Đáp: Phàm phu ngu si nương vào phiền não kiết sử, chấp lấy niệm sự tướng không thật mà khởi tâm tham, nương vào sân giận mà khởi tâm sân, nương vào niệm vô minh luống dối mà khởi tâm si.

Lại nữa, nương vào phân biệt luống dối của tham sân si kia chấp lấy niệm sự tướng chẳng thật khởi tâm tà niệm. Nương vào tâm tà niệm mà khởi kiết sử. Nương vào kiết sử mà khởi tham sân si. Vì nghĩa đó, thân miệng ý tác nghiệp tham, nghiệp sân, nghiệp si, nương vào các nghiệp này, lại có khi đời đời không đoạn dứt. Như vậy tất cả phàm phu ngu si, nương vào phiền não kiết sử mà tập khởi tà niệm, nương vào tà niệm mà khởi các phiền não, nương vào phiền não mà khởi tất cả nghiệp, nương vào nghiệp mà khởi sinh (sự sống).

Như vậy tất cả phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm, sinh nhiễm này, phàm phu ngu si không biết như thật, không thấy như thật về tánh giới nhất thật, cũng như tánh như thật kia, quán sát tánh như thật mà không chấp tướng, vì không chấp tướng nên có thể thấy thật tánh, thật tánh như vậy là chứng biết bình đẳng của Chư Phật, Như lai.

Lại nữa, không thấy pháp tướng luống dối như vậy, nên tri kiến như thật, như thật có pháp chân như, pháp giới. Vì thấy Đệ nhất nghĩa đế, nên hai pháp không thêm không bớt như vậy, do đó gọi là chứng trí bình đẳng, gọi là Nhất thiết chủng trí. Pháp chướng ngại của sở đối trị phải như vậy mà biết. Vì phát khởi trí Chân như là pháp đối trị, nên pháp của đối tượng được đối trị kia rốt ráo không còn sinh khởi hiện tiền, nên kệ nói: “phá được các ám chướng, giác quán tham sân si, tất

cả các phiền não”.

Lại nữa, đây là đấng Diệt Đế là Pháp thân Như lai, nhân theo Trí vô phân biệt trong Kiến đạo và Tu đạo, nói rộng như trong các Tu-đa-la Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật: “Này Tu-bồ-đề! Chân như Như lai và Chân như bình đẳng không có sai khác, các pháp như vậy phải biết”. Đã nói xong Pháp bảo, kế là nói về Tăng bảo.

Phẩm thứ 4: TĂNG BẢO

Luận nói: Nương vào Pháp bảo Đại thừa, có Bồ-tát Bất Thoái chuyển là Tăng bảo, vì nghĩa đó, kế là sau Pháp bảo lại nói về Tăng bảo, nương vào Tăng bảo nói bốn Kệ:

*Người chánh giác, chánh tri,
 Thấy tất cả chúng sinh,
 Thanh tịnh không có ngã,
 Vắng lặng, mé chân thật.
 Vì biết chúng sinh kia,
 Tự tánh tâm thanh tịnh,
 Thấy phiền não không thật,
 Nên lia các phiền não.
 Người tịnh trí vô chướng,
 Như thật thấy chúng sinh,
 Tự tánh, tánh thanh tịnh,
 Cảnh giới pháp Phật Tăng.
 Mắt trí tịnh vô ngại,
 Thấy tánh các chúng sinh,
 Khắp vô lượng cảnh giới,
 Nên Ta nay kính lễ.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Như thật biết nội thân,
 Dùng trí thấy thanh tịnh,
 Gọi là Tăng vô thượng,
 Là Phật Như lai nói.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Như thật thấy chúng sinh,
Chân Pháp thân vắng lặng,
Vì thấy tánh vốn tịnh,
Phiền não xưa nay không.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Vì thấy như thật về bản thể, phải biết xưa nay ngã không, pháp không, nên Kệ nói: “Người chánh giác chánh tri, thấy tất cả chúng sinh, thanh tịnh không có ngã, Vắng lặng mé Chân thật”. Lại nữa, như thật biết từ vô thủy đến nay, bản thể vắng lặng, không ngã, không pháp, chẳng hải khi chứng diệt phiền não mới có.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Đây là thấy tự tánh Pháp thân thanh tịnh. Nói lược có hai pháp. Những gì là hai: 1. Thấy tánh xưa nay tự tánh thanh tịnh. 2. Thấy phiền não xưa nay vắng lặng, nên kệ nói: “Vì biết chúng sinh kia, tự tánh tâm thanh tịnh. Thấy phiền não không thật, nên lìa các phiền não”.

Lại nữa, tự tánh tâm thanh tịnh xưa nay thanh tịnh, lại xưa nay cũng thường bị phiền não làm nhiễm. Hai pháp này đối với Chân như vô lậu kia, có tâm thiện và tâm bất thiện trong pháp giới, đều không có tâm thứ ba. Nghĩa như vậy khó có thể hiểu biết, nên trong Kinh Thánh Giả Thắng-man nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Sát-ni-ca tâm thiện, chẳng bị phiền não nhuộm bấn nơi Sát-ni-ca tâm bất thiện, cũng không phải bị phiền não nhuộm dơ, phiền não không xúc tâm, tâm không xúc phiền não. Làm sao không xúc với pháp mà tâm có thể bị nhiễm? Bạch Đức Thế Tôn! Nhưng có phiền não và có tâm nhiễm phiền não. Tự tánh tâm thanh tịnh mà có nhiễm, là khó có thể biết rõ”! như vậy trong Kinh Thánh Giả Thắng-man đã nói rộng, phải biết là tự tánh tâm thanh tịnh và sự nhiễm của phiền não.

Lại nữa, có hai thứ tu hành: 1. Như thật tu hành. 2. Biến tu hành. Hai thứ này rất khó chứng biết nghĩa của nó. như thật tu hành, là thấy cảnh giới Phật tánh tự tánh thanh tịnh của chúng sinh, nên kệ nói: “Người tịnh trí Vô chướng, như thật thấy chúng sinh, tự tánh thanh tịnh, cảnh giới pháp Phật Tăng”.

Biến tu hành, là tất cả cảnh giới khắp mười Địa, thấy tất cả chúng sinh có Nhất thiết trí, cũng khắp tất cả cảnh giới. Vì khắp tất cả cảnh giới, nương vào tuệ Xuất thế gian, phải biết là thấy tất cả chúng sinh cho đến súc sinh đều có Như lai tạng. Tuệ kia thấy tất cả chúng sinh có Chân như, Phật tánh, Bồ-Tát-ma-ha-tát Sơ địa lấy đó để chứng khắp tất cả pháp giới Chân như, nên kệ nói: “Mắt trí tịnh vô ngại, thấy tánh các

chúng sinh, khắp vô lượng cảnh giới”. Như vậy nội thân tự giác biết, pháp giới vô lậu kia không có chướng, không có ngại.

Hỏi: Nương vào hai pháp như thật Tu hành và biến tu hành, đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Là nội chứng như thật về pháp trí chân như Xuất thế gian, phải biết không chung với người Nhị thừa phàm phu.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Chứng trí thanh tịnh Xuất thế gian của Bồ-tát-ma-ha-tát, nói lược có hai thứ vượt hơn chứng trí của Thanh-văn Bích Chi Phật. Hai thứ ấy là: 1. Vô chướng. 2. Không ngại. Không chướng là như thật tu hành, thấy cảnh giới tự tánh thanh tịnh của chúng sinh, nên gọi là vô chướng. Vô ngại là biến tu hành, vì biết như thật cảnh giới vô biên, nên gọi là vô ngại.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Như thật thấy biết đạo,
Thấy trí Phật thanh tịnh,
Nên bậc Thánh bất thối,
Làm chỗ chúng sinh nương.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Lại nữa, nương vào chứng trí của Đại Bồ-tát Sơ địa, đạt Kiến đạo thanh tịnh không thoái chuyển các Địa thừa, phải biết có thể khởi thấy nhân thắng thanh tịnh của Bồ-đề Vô thượng kia, nên kệ nói: “Thấy biết đạo như thật, thấy Phật trí thanh tịnh”. chứng trí của Sơ địa này, thù thắng hơn công đức Bồ thí, Trì giới... Ba-la-mật của Đại Bồ-tát. Vì nghĩa đó, nên Đại Bồ-tát nương vào Chân như chứng trí của như thật kiến, có thể ban cho tất cả chúng sinh, tám bộ chúng trời, rồng, Thanh-văn, Bích Chi Phật... làm chỗ quy y, nên kệ nói: “Nên bậc Thánh bất thối. Làm chỗ chúng sinh nương”.

Hỏi: Vì sao không nói rõ quy y Tăng bảo Thanh-văn?

Đáp: Tăng bảo Bồ-tát công đức vô lượng, do đó là bậc Ứng Cúng, vì là Ứng Cúng nên xứng đáng lễ bái khen ngợi cúng dường. Người Thanh-văn không có nghĩa như vậy, vì nghĩa đó nên không nói rõ quy y Tăng bảo Thanh-văn.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

*Cảnh giới các công đức,
Chứng trí và Niết-bàn,*

*Các địa tịnh, vô cấu,
 Đây đủ Đại Từ bi.
 Sinh vào nhà Như lai,
 Đây đủ thông tự tại,
 Quả trên hết Vô thượng,
 Là nghĩa qui y thắng.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược mười thứ thắng nghĩa của Bồ-tát, vượt hơn Thanh-văn và Bích Chi Phật. Những gì là mười: 1. Quán thắng. 2. Công đức thắng. 3. chứng trí thắng. 4. Niết-bàn thắng. 5. Địa thắng. 6. Thanh tịnh thắng. 7. tâm bình đẳng thắng. 8. Sinh thắng. 9. Thần lực thắng. 10. Quả thắng.

1. Quán thắng: Quán cảnh giới Chân như đó là quán thắng, nên kệ nói: “Cảnh giới”.

2. Công đức thắng: Là Bồ-tát tu hành không chán đủ, không đồng với nhị thừa mong được chút ít, đó là công đức thắng, nên kệ nói: “Các công đức”.

3. Chứng trí thắng: Là hai thứ Vô ngã, đó là chứng trí thắng, nên kệ nói: “Chứng trí”.

4. Niết-bàn thắng: Giáo hóa chúng sinh, gọi đó là Niết-bàn thắng, nên kệ nói: “Niết-bàn”.

5. Địa thắng: Mười địa gọi đó là địa thắng, nên kệ nói: “Các Địa”.

6. Thanh tịnh thắng: Bồ-tát xa lìa trí chướng đó là thanh tịnh thắng, nên kệ nói: “Tịnh vô cấu”.

7. Tâm bình đẳng thắng: Là đại bi của Bồ-tát trùm khắp, đó là tâm bình đẳng thắng, nên kệ nói: “Đây đủ Đại Từ bi”.

8. Sinh thắng: Các Bồ-tát sinh vô sinh đó là sinh thắng, nên kệ nói: “Sinh vào nhà Như lai”.

9. Thần lực thắng: Là lực thù thắng của Tam muội thần thông tự tại, đó là thần năng lực thắng, nên kệ nói: “Đây đủ tự tại Thông”.

10. Quả thắng: Là cứu cánh Bồ-đề Vô thượng đó là quả thắng, nên kệ nói: “Quả thắng Tối Vô thượng”.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Người có trí tuệ, biết công đức vô lượng của các Bồ-tát tu tập Bồ-đề, vô lượng vô biên công đức rộng lớn, có trí tuệ lớn, Từ bi tròn đầy, là chiếu soi biết tánh hạnh như rừng rậm của vô lượng chúng sinh, cũng như trăng non, chỉ trừ Chư Phật Như lai như trăng tròn đầy.

Đại Bồ-tát, biết các Thanh-văn cho đến chứng được đạo A-la-hán, là người thiếu trí tuệ không có tâm đại bi, vì chiếu soi tự thân, cũng như các sao. Đã biết như vậy, muốn dùng thân đại mãn nguyệt của Như lai để tu đạo Bồ-đề, nhưng phải từ bỏ sơ nguyệt (trăng khuyết) nên Bồ-tát khởi tâm lễ bái cúng dường. Ngoài ra, Tinh Tú Thanh-văn và Bích Chi Phật, thì không có việc đó.

Hỏi: Điều này lại là nghĩa gì?

Đáp: Đây là nói về các Bồ-tát mới phát khởi tâm Bồ-đề làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, đã có thể hàng phục người không vì lợi ích của các chúng sinh khác, chỉ vì tự lợi tu trì giới cấm vô lậu thanh tịnh, cho đến người chứng đắc quả A-la-hán, hướng chi là những người khác. Bồ-tát ma-ha-tát vô lượng vô biên công đức của mười thứ lớp tại, mà đồng với người ít công đức như Thanh-văn và Bích Chi Phật là không có việc đó! Vì nghĩa đó, trong Kinh có bài kệ rằng:

*Nếu vì bản thân mình,
Tu hành các giới cấm,
Xa lìa tâm Đại từ,
Bỏ chúng sinh phá giới.
Chỉ vì tự thân mình,
Giữ tài sản giới cấm,
Người giữ giới như vậy,
Phật nói không thanh tịnh.
Nếu vì thân người khác,
Tu hành giữ giới cấm,
Làm lợi ích chúng sinh,
Như Địa, Thủy, Hoả, Phong.
Chỉ vì chúng sinh khác,
Khởi tâm bi bác nhất,
Đó là Trì giới tịnh,
Ngoài ra chẳng thanh tịnh.*

Hỏi: Nương vào nghĩa gì, vì người gì mà Chư Phật, Như lai nói Tam bảo?

Đáp: Kệ rằng:

*Nương Năng điều, Sở chứng,
Đệ tử, là ba thừa,
Tin ba ngôi cúng dường,
Cho nên nói Tam bảo.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Nói lược nương vào ba nghĩa, vì sáu hạng người mà nói Tam bảo. Ba nghĩa gồm: 1. Điều ngự sư. 2. pháp của Điều ngự sư. 3. Đệ tử của Điều ngự sư, nên kệ nói: “Nương năng điều. Sở chứng là đệ tử”.

Sáu hạng người là: 1. Đại thừa. 2. Trung thừa. 3. Tiểu thừa. 4. Tin Phật. 5. Tin Pháp. 6. Tin Tăng, nên kệ nói: “Vì ba thừa, tin ba ngôi cúng dường”. Trước hết giải thích nghĩa thứ nhất, hạng người thứ nhất và thứ tư, là quy y Phật là bậc tôn quý trên hết bậc nhất trong loài lưỡng túc, là nói về nghĩa Điều ngự sư, Đại Trượng Phu, nên kệ nói: “Nương năng điều”. Vì chọn lấy Bồ-đề của Phật và hạng các Bồ-tát, nên kệ nói: “Vì Đại thừa”. Vì hạng tin cúng dường rộng phước của Chư Phật, Như lai, nên kệ nói: “Tin Phật cúng dường”. Vì nghĩa đó mà nói lập Phật Bảo, nên kệ nói: “Cho nên nói Phật Bảo”. Đã giải thích nghĩa thứ nhất, hạng người thứ nhất và thứ tư.

Kế là giải thích nghĩa thứ hai, hạng thứ hai và người thứ năm, là qui y pháp trên hết bậc nhất trong lìa phiền não, nói về sự chứng pháp công đức của Điều ngự sư, nên kệ nói: “Nương sở chứng”. Vì hạng người Bích Chi Phật tự nhiên biết, không nương vào người khác mà biết sâu về nhân duyên, nên kệ nói: “Vì Trung thừa”. Vì hạng người tin cúng dường rộng phước của pháp mẫu bậc nhất, nên kệ nói: “Tin pháp cúng dường”. Vì nghĩa đó nên nói lập Pháp bảo, Kệ nêu: “Cho nên nói Pháp bảo”. Đã giải thích nghĩa thứ hai, hạng người thứ hai và thứ năm. Kế là giải thích nghĩa thứ ba, hạng thứ ba và người thứ sáu, là quy y các Bồ-tát Tăng trên hết bậc nhất trong các chúng, nói về đệ tử của Điều ngự sư, trong sự thuyết pháp của Chư Phật, Như lai tu hành như thật không trái ý nghĩa, nên kệ nói: “Nương đệ tử”. Vì người Thanh-văn vì từ người khác nghe, nên kệ nói: “Vì Tiểu thừa”. Vì người tin cúng dường rộng phước của Thánh chúng bậc nhất, nên kệ nói: “Tin Tăng cúng dường”. Vì nghĩa ấy mà nói lập Tăng bảo, do đó kệ nói: “Cho nên nói Tăng bảo”. Đó là nói lược nương vào ba nghĩa, vì sáu hạng người mà Chư Phật, Như lai nói Tam bảo này. Vì thế Kệ rằng: “Nương năng điều, sở chứng, đệ tử, là ba thừa, Tin ba ngôi cúng dường. Cho nên nói Tam bảo”.

Lại vì chúng sinh đáng được hóa độ, khiến cho thứ lớp tiến nhập, vì nghĩa đó mà nương vào Thế Đế để nói rõ việc lập ba Qui y.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Kệ rằng:

Nên bỏ các luống dối,

Vô vật và sợ hãi

*Hai thứ pháp và Tăng,
Chẳng qui y rốt ráo.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: pháp có hai thứ: 1. Pháp được nói. 2. Pháp được nói. Sở thuyết pháp, là sự thâm nhập về danh tự, chương cú thân mà Như lai nói Tu-đa-la. Pháp được nói đó khi chứng đạo thì diệt như bỏ thuyền bè, nên kệ nói: “Nên bỏ”. Pháp Sở chứng, lại có hai thứ sai khác là nường vào nhân và nường vào quả, tức là nường vào pháp gì để chứng pháp gì!

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Cái gọi là Hữu đạo là thuộc về Tướng Hữu vi. Nếu là thuộc về tướng Hữu vi thì đó là pháp Luống đối, nên kệ nói: “Và Luống đối”. Nếu là Luống đối thì pháp kia không thật, nếu không phải thật thì pháp kia chẳng phải là Chân đế. không phải Chân đế thì tức là vô thường, nếu là pháp vô thường thì không đáng qui y.

Lại nữa, nếu nường vào Diệt đế mà đạo Thanh-văn có được, thì đạo ấy giống không có vật, cũng như đèn tắt, chỉ đoạn phần ít phiền não khổ. Nếu pháp như vậy thì đó là vô vật. Nếu vô vật thì làm sao làm chỗ qui y cho người khác? Nên kệ nói: “Vô vật”. Tăng, gồm có người của ba thừa, nường vào Tăng Thanh-văn trong ba thừa, thường có sợ hãi, thường cầu qui y Chư Phật, Như lai để mong lìa thế gian. Đây là điều nên làm của người học, nhưng chưa rốt ráo, vì còn tiến đến đạo quả chánh đẳng chánh giác Vô thượng.

Hỏi: Cái gọi là Sợ hãi, là sợ hãi cái gì?

Đáp: Vì A-la-hán tuy dứt hết Hữu lậu nhưng chưa dứt hết tập khí của phiền não. Đối với tất cả hành tướng Hữu vi ấy, thì tâm hết sức sợ hãi thường hiện tiền, nên trong Kinh Thánh giả Thắng man nói: “A-la-hán có sợ hãi. Vì sao vậy? Vì A-la-hán đối với tất cả hành vô sợ hãi tướng dừng trụ, như người cầm gươm muốn đến hại mình, cho nên A-la-hán không có lạc cứu cánh. Vì sao vậy? Bạch Đức Thế Tôn ! Nường vào chỗ không cầu dựa, như chúng sinh không có quy y các thứ sợ hãi. Vì lo sợ nên cầu qui y. Như vậy A-la-hán có sợ hãi, vì sợ hãi nên qui y Như lai, vì A-la-hán kia nếu có sợ hãi như vậy, thì người đó rốt ráo muốn xa lìa sợ hãi mà tìm nơi không sợ hãi . Vì nghĩa đó nên nường vào sự xa lìa sợ hãi kia gọi là người tu học, phải có điều muốn chứng đắc đạo Chánh đẳng, Chánh giác Vô thượng, nên Pháp bảo và Tăng bảo của Thanh-văn là quy y thiếu phần, không phải là quy y rốt ráo, nên kệ nói: “Hai loại pháp và Tăng, không quy y rốt ráo”.

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì ?

*Chúng sinh quy Nhất xứ,
Pháp thân Phật giải thoát,
Nương thân Phật, Hữu pháp,
Nương pháp, Tăng cứu cánh.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Như đã nói trước, Chư Phật, Như lai là Bất sinh, Bất diệt, Vắng lặng Không hai pháp thân lìa cấu, vì chỉ có duy nhất một xứ thanh tịnh rốt ráo của pháp thân. Lại nữa, người của ba thừa không có cứu giúp, không có quy y, vì chỉ có bản thể giải thoát rốt ráo vô tận từ vô thủy, là có thể qui y, thường có thể qui y, gọi là chỉ có Chư Phật, Như lai. Như vậy là thường hằng mát mẻ bất biến nên có thể Qui Y. Phải biết trong Kinh Thánh Giả Thắng man có nói rộng.

Hỏi: vì sao Phật, Pháp và chúng Tăng gọi là Bảo?

Đáp: Kệ rằng:

*Chân Bảo, đời ít có,
Trong sáng và thế lực,
Năng trang nghiêm thế gian,
Trên hết và Bất biến.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Điều gọi Bảo là có sáu thứ tương tự, nương vào sáu thứ tương tự pháp tương đối này mà Phật, Pháp và chúng Tăng gọi là Bảo. Những gì là sáu tương tự:

1. Tương tự thế gian nan đắc pháp tương đối: Vì các chúng sinh không có Gốc lành nên trăm ngàn vạn kiếp cũng khó đắc, do đó kệ nói: “Chân Bảo, đời hy hữu”.

2. Tương tự vô cấu pháp tương đối: Vì lìa tất cả pháp Hữu lậu, nên kệ nói: “trong sáng”.

3. Tương tự oai đức pháp tương đối: Vì đầy đủ sáu thông không thể nghĩ bàn oai đức tự tại, nên kệ nói: “Thế lực”.

4. Tương tự trang nghiêm thế gian pháp tương đối: Vì có thể trang nghiêm Xuất thế gian, nên kệ nói: “Năng trang nghiêm thế gian”.

5. Tương tự thắng pháp mẫu tương đối: Vì pháp Xuất thế gian, nên kệ nói: “trên hết”.

6. Tương tự bất khả cải dị pháp tương đối: Vì đặc tám pháp không thể động của pháp vô lậu thế gian, nên kệ nói: “Bất biến”.

Hỏi: Nương vào pháp nào có Tam bảo này ? Hay nương vào pháp này mà có thanh tịnh thế gian và Xuất thế gian sinh khởi Tam bảo?

Đáp: Vì nghĩa ấy nên nói hai Kệ:

*Chân như có tạp cấu,
Và xa lìa các cấu,
Vô lượng công đức Phật,
Và tác nghiệp của Phật.
Như vậy cảnh giới mẫu,
Là sở tri Chư Phật,
Nương pháp thân diệu này,
Xuất sinh ra Tam bảo.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì ?

Đáp: Kệ rằng:

*Như vậy tánh Tam bảo,
Chỉ cảnh giới Chư Phật,
Vì thứ lớp bốn pháp,
Không thể nghĩ bàn được.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: “Chân như có tạp cấu”, là Chân như Phật tánh chưa lìa các phiền não trói buộc Như lai tạng.

“Và xa lìa các cấu”: Tức Như lai tạng kia chuyển thân đến Phật địa, chứng đắc Pháp thân, gọi là Pháp thân Như lai.

“Vô lượng công đức Phật”: Tức là công đức kia Chuyển thân trong tướng của Pháp thân Như lai, tất cả mười lực, bốn Vô úy Xuất thế gian tất cả các công đức vô lượng vô biên.

“Và Tác nghiệp của Phật”: Tức là mười lực... pháp của tất cả Chư Phật tự nhiên thường khởi nghiệp Phật Vô thượng, thường không ngơi nghỉ thường không lìa bỏ, thường thọ ký các Bồ-tát, xứ đó thứ lớp có bốn pháp không thể nghĩ bàn, nên gọi là cảnh giới của Như lai.

Hỏi: Bốn xứ gồm?

Đáp: Kệ rằng:

*Xứ nhiễm, tịnh, tương ưng,
Không nhiễm mà thanh tịnh,
Pháp không lìa bỏ nhau,
Tự nhiên vô phân biệt.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Chân như có tạp cấu: Là trong cùng một lúc có tịnh có nhiễm. Đây là chỗ không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn là tin sâu pháp nhân duyên. Thanh-văn và Bích Chi Phật đối với pháp đó thì không phải cảnh giới, nên trong Kinh Thánh Giả Thắng-man Phật bảo Thắng-man:

“Này Thiên Nữ! Tự tánh tâm thanh tịnh mà có nhiễm ô thì khó biết rõ được. Có hai pháp khó có thể biết rõ: 1. Tự tánh tâm thanh tịnh khó có thể biết rõ. 2. Tâm đó bị nhiễm của phiền não cũng khó có thể biết rõ. Này Thiên nữ! Như hai pháp này, người và các Đại Bồ-tát thành tựu đại pháp mới có thể nghe thọ, còn các Thanh-văn và Bích Chi Phật kia thì chỉ nương vào lời Phật dạy mà tin hai pháp này”. Nên Kệ rằng: “Xứ nhiễm tịnh tương ứng”. “Và xa lìa các cấu”, là Chân như vốn không phải trước có nhiễm rồi sau đó nói thanh tịnh, chỗ này không thể nghĩ bàn, nên Kinh nói: “Tâm tự tánh tâm thanh tịnh”. Tự tánh tâm thanh tịnh xưa nay thanh tịnh, như bản thể của tâm kia, Như lai biết như vậy, nên Kinh nói: “Một niệm tâm nối tiếp tương ứng tuệ của Như lai, thì đắc đạo quả đẳng Chánh giác Vô thượng, vì thế Kệ rằng: “Không nhiễm mà thanh tịnh”. Vô lượng công đức Phật, là mẹ trước mẹ sau hoàn toàn nhiễm ô trong giai đoạn phạm phu, vẫn thường không lìa pháp thân Chân như. Tất cả pháp của Chư Phật chẳng khác chẳng sai biệt. Đây là chỗ không thể nghĩ bàn, nên Kinh nói: “Lại nữa, này Phật Tử! Trí tuệ Như lai không chỗ nào không đạt. Vì sao vậy? Vì trong tất cả giới chúng sinh rốt cuộc không một thân chúng sinh nào lại không có đầy đủ công đức và trí tuệ của Như lai, nhưng chúng sinh điên đảo, không biết trí Như lai xa lìa điên đảo mà khởi Nhất thiết trí, trí Vô sư và trí vô ngại. Này Phật tử! Ví như có một quyển Kinh rất lớn, bằng một Tam thiên đại thiên thế giới, tất cả tất cả trong Đại thiên thế giới, không chuyện gì mà không được ghi chép. Nếu dựa vào thế giới Nhị thiên, thì đều ghi chép các sự việc trong Nhị thiên thế giới, nếu cho thế giới Tiểu thiên, thì đều ghi chép các sự trong Tiểu thiên thế giới, bốn cõi Thiên Hạ thì đều ghi chép tất cả sự việc trong bốn cõi Thiên hạ. Tu Di Sơn vương... thì đều ghi chép tất cả sự trong núi chúa Tu-di, Địa thiên cung... thì đều ghi chép tất cả việc trong Điện địa thiên cung, Dục thiên cung... thì đều ghi chép các việc trong Điện dục thiên cung. Sắc thiên cung... thì đều ghi chép các sự trong điện Sắc Thiên cung. Nếu dựa vào Vô sắc thiên cung... thì đều ghi chép các việc trong Điện Vô sắc Thiên Cung. Quyển Kinh rất lớn bằng Tam Thiên Đại Thiên Thế giới kia, ở trong một hạt bụi rất nhỏ, tất cả hạt bụi đều cũng như vậy, lúc đó có một người ra đời, trí tuệ thông đạt, thành tựu đầy đủ thiên nhãn thanh tịnh, thấy quyển Kinh này trong hạt bụi, nghĩ rằng: Vì sao quyển Kinh lớn như thế, ở trong hạt bụi mà không làm lợi ích cho các chúng sinh? Nay ta cần phải tạo phương tiện phá vỡ hạt bụi kia, lấy quyển Kinh này ra làm lợi ích cho chúng sinh! Nghĩ đoạn, người kia liền tìm cách, phá vỡ hạt bụi đem

quyển Kinh ra để làm lợi ích cho chúng sinh. Nay Phật tử! Trí tuệ của Như lai, trí tuệ vô tướng, trí tuệ vô ngại, đầy đủ trong thân chúng sinh, nhưng chúng sinh ngu si bị vọng tưởng điên đảo che lấp, không biết không thấy không sinh tâm kính tín. Bấy giờ, Như lai dùng Thiên nhãn thanh tịnh vô chướng ngại, quán sát tất cả thân chúng sinh, đã quán sát rồi nghĩ rằng: Lạ thay! Lạ thay! Vì sao trí tuệ của Như lai đầy đủ trong thân mà không biết không thấy? Ta phải dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh giác ngộ Thánh đạo, đều giúp cho họ xa lìa hẳn tất cả vọng tưởng điên đảo trời buộc, khiến cho thấy biết đầy đủ trí tuệ Như lai trong thân họ không khác với Phật! Như lai liền giáo hóa chúng sinh đó tu tám Thánh đạo, lìa bỏ tất cả điên đảo luống dối, lìa điên đảo rồi thì thấy trí Như lai, cùng với Như lai bình đẳng làm lợi ích cho chúng sinh”. Cho nên kệ nói: “Pháp chẳng lìa bỏ nhau”. “Và việc do Phật làm”, là đồng một thời, tất cả xứ, tất cả thời, tự nhiên vô phân biệt, thuận theo tâm chúng sinh, thuận theo căn tánh chúng sinh có thể giáo hóa, không lỗi, không sai lầm thuận theo khởi nghiệp Phật, đây là chỗ không thể nghĩ bàn, nên kinh nói: “Này người Thiện nam! Như lai vì khiến cho tất cả nhập vào pháp Phật, trong nghiệp vô lượng của Như lai dấy khởi hữu lượng để nói. Này người Thiện nam! Sự tác nghiệp có thật của Như lai, đối với tất cả chúng sinh thế gian kia, không thể so lường, không thể đếm, không thể nghĩ bàn, không thể biết, không thể dùng danh tự để nói. Vì sao vậy? Vì khó có thể được đối trước chúng sinh, vì đối với tất cả cõi nước của Chư Phật không nơi nghỉ, vì tất cả Chư Phật đều bình đẳng, vì vượt qua sự tạo tác sự của tất cả tâm thế gian, vì vô phân biệt giống như hư không đều bình đẳng, vì thể pháp tánh không khác, không sai khác”. Các pháp như vậy đã nói rộng.

Lại nói thí dụ về châu báu Đại Tỳ-lưu-ly, Ma-ni bất tịnh: “này người Thiện nam! Ông nương vào thí dụ này, phải biết nghiệp Như lai là không thể nghĩ bàn, vì bình đẳng khắp tất cả. Vì tất cả xứ không thể chê trách, vì ba đời bình đẳng, không dứt hạt giống Tam bảo, nên Chư Phật, Như lai tuy trụ trong hành nghiệp không thể nghĩ bàn như vậy, nhưng không lìa bỏ pháp thân hư không. Tuy không lìa bỏ pháp thân hư không, nhưng đối với chúng sinh, tùy theo chỗ thích ứng nghe danh tự, chướng, cú thì thường vì các chúng sinh đó mà nói pháp. Tuy vì chúng sinh nói pháp như vậy, nhưng thường xa lìa điều niệm quán của tất cả tâm chúng sinh. Vì sao? Vì biết như thật các tâm hành của tất cả chúng sinh, nên kệ nói: “Tự nhiên vô phân biệt. Nương pháp thân diệu này. Xuất sinh ra Tam bảo”. Kệ rằng:

*Pháp Bồ-đề sở đắc,
Nương phần Giác mà biết,
Bồ-đề phần giáo hóa,
Chúng sinh giác Bồ-đề.
Câu đầu là chánh nhân,
Ba câu sau, duyên tịnh,
Hai câu đầu tự lợi,
Hai câu sau lợi tha.*

Hỏi: Kệ này nói về nghĩa gì?

Đáp: Bốn câu này thâm nhiếp chung tất cả cảnh giới sở tri.

Hỏi: Đây là nói về nghĩa gì?

Đáp: Câu thứ nhất, phải biết là pháp được chứng đắc, vì pháp chứng đó gọi là Bồ-đề, nên kệ nói: “Pháp Bồ-đề sở đắc”.

Câu thứ hai là Bồ-đề nương vào Bồ-đề phần mà biết, vì công đức Bồ-đề của Chư Phật có thể làm nhân Bồ-đề của Phật, nên kệ nói: “Nương phần Bồ-đề mà biết”. Câu thứ ba là “Bồ-đề phần giáo hóa”, vì Bồ-đề phần khiến cho mọi người giác ngộ. Câu thứ tư là “Chúng sinh giác Bồ-đề”, vì chúng sinh được giáo hóa giác ngộ Bồ-đề. Bốn câu này là thứ lớp không chấp tướng, nương vào hạnh này, phải biết Bồ-đề thanh tịnh sinh ra Tam bảo, nên kệ nói: “pháp Bồ-đề sở đắc, Nương phần Bồ-đề mà biết, Bồ-đề phần giáo hóa, chúng sinh giác Bồ-đề”. Lấy một câu Nhân, ba câu Duyên, hiển thị Như lai đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Vì đắc Bồ-đề, nên mười lực, bốn Vô Úy... các pháp của Chư Phật, Như lai, ba mươi hai chủng tướng của Chư Phật, Như lai tạo nghiệp, nương vào nghiệp của Như lai mà chúng sinh nghe tiếng nương vào pháp ấy, phải biết đắc nhân duyên thanh tịnh sinh ra Tam bảo, nên kệ nói: “Câu đầu làm chánh nhân, ba câu sau là duyên của tịnh”.

